

Tên:

Lớp: S2...

Ngày giao bài: Thứ..., ngày.../....

Ngày nộp bài: Thứ..., ngày.../....

Week: 5

Ngữ pháp HW:



UNIT 2: REVIEW PRESENT SIMPLE WITH VERBS & WH-QUESTION FORM

A. THEORY: Present Simple - Verbs (Positive and Wh-questions)



Present Simple (Verbs)

Positive (+)
Nói về việc làm hằng ngày.



I eat breakfast.



You go to school.



She cooks dinner.



He reads books.



It sits on the chair.

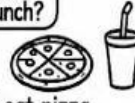


They play together.

What question



What do you eat for lunch?



I eat pizza.



What does he like?



He likes soccer.

Who question



Who does she love?



She loves her mom.

Where question



Where does he go?



He goes to school.



Where do they play?



They play in the park.

3 quy tắc chia động từ (với He / She / It)

1 Thêm -s
(đa số động từ)

play → plays
read → reads
like → likes
watch → watches

2 Thêm đuôi -es
Ông Sáu Chạy Xe SH
(động từ tận cùng s, x, ch, sh, o)

go → goes
fix → fixes
wash → washes
watch → watches
kiss → kisses

3 Đổi y thành -ies
(chỉ khi tận cùng phụ âm + y)

study → studies
try → tries
fly → flies
KHÔNG đổi y:
play → plays
enjoy → enjoys

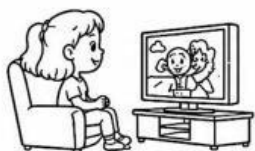
B. HOMEWORK

GRAMMAR (20 questions)

I. Choose the correct answers. (Chọn đáp án đúng).

0.  He play / plays football.

1.  I eat / eats apples.

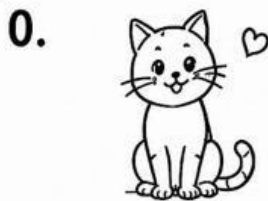
2.  She watch / watches TV.

3.  They go / goes to school.

4.  Ben study / studies English.

5.  The dog run / runs fast.

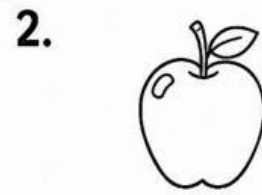
II. Tick (✓) the correct sentence. (Tích ✓ vào câu đúng.)



- A. She likes cats. ☒
- B. She like cats. ☐



- A. We plays games. ☐
- B. We play games. ☐



- A. What does Ben eat? ☐
- B. What does Ben eats? ☐



- A. Mia washes her hands. ☐
- B. Mia wash her hands. ☐



- A. Where do they live? ☐
- B. Where does they live? ☐



- A. Amy studys English. ☐
- B. Amy studies English. ☐

III. Match the questions with the answers. (Nối câu hỏi với câu trả lời.)

0. *What do you eat?*
1. Who do you play with?
2. Where do you sleep?
3. What does she draw?
4. Who does he help?
5. Where does she study?

- A. She draws a cat.
- B. I sleep in my bedroom.
- C. He helps his mum.
- D. *I eat rice.*
- E. She studies at school.
- F. I play with Ben.



IV. Put the words in the correct order. (Sắp xếp các từ để tạo thành câu hỏi đúng.)

0.



read does What she ?

What does she read?

1.



play he What does ?

2.



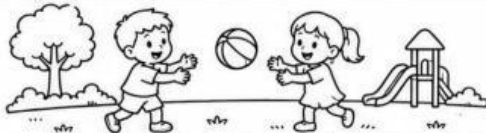
you Where go do ?

3.



love Who she does ?

4.



play they Where do ?

5.



eat does What he ?

